

TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. TÂN YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH BẮC GIANG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2017/HSST

Ngày: 25.9.2017

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG**

***\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Trần Văn Thiện

***\* Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:***

Ông Phạm Văn Nam

Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

***\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà:***

Ông Giáp Văn Hùng – Kiểm sát viên;

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Yên tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 47/2017/HSST ngày 17 tháng 8 năm 2017 đối với:

1. Bị cáo Nguyễn Văn Q- sinh năm 1993;

Tên gọi khác: không;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn H, xã V, huyện T, Bắc Giang;

Dân tộc: kinh;

Nghề nghiệp: tự do;

Trình độ văn hoá: 6/12;

Họ và tên bố: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1971

Họ và tên mẹ: Giáp Thị H, sinh năm 1973

Đều cư trú: thôn H, xã V, huyện T, Bắc Giang;

Tiền sự: không;

Tiền án:

+ Bản án số 40/2012/HSST ngày 26/6/2012, Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Nguyễn Văn Q 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/02/2012 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2014.

+ Bản án số 133/2014/HSST ngày 18/7/2014 Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt Nguyễn Văn Q 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/01/2015.

+ Bản án số 50/2015/HSST ngày 06/11/2015 Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt Nguyễn Văn Q 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/7/2016.

- Nhân thân: ngày 03/03/2014, Trưởng Công an Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2017

Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

Có mặt tại phiên toà;

\* Người bị hại: anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1990 - Đề nghị xét xử vắng mặt;

Nơi ĐKHKTT: thôn Đ, xã A, huyện T, Bắc Giang;

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

\* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1987 (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Đều ở địa chỉ: thôn N, xã A, huyện T, Bắc Giang;

Anh M do chị V đại diện theo ủy quyền.

- Anh Trần Nhật A, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 01, ngõ 32, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

### **NHẬN THẤY:**

Bị cáo Nguyễn Văn Q bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 29/5/2017, Nguyễn Văn Q đang tập thể dục ở nhà thì gặp anh Nguyễn Văn B, sinh 1990 ở thôn Đ, xã A, huyện T điều khiển xe mô tô Honda Wave màu xanh xám đi qua. Do đã quen biết với nhau từ trước nên B rủ Q đi xuống thành phố B chơi được Q đồng ý. B chở Q đi xuống khu vực C, thành phố B mua ma túy để sử dụng sau đó chở Q về đến khu vực bờ sông thuộc thôn T, xã L, huyện T. Tại đây, B bảo hết tiền mua thuốc (ma túy) để sử dụng. Lúc này Q nảy

sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của B nên bảo B “cho em mượn xe em đi cầm điện thoại lấy tiền cho anh vay”. B đồng ý. Sau khi mượn được xe mô tô của B, Q không đi cầm điện thoại mà điều khiển xe mô tô của B đi thẳng xuống thành phố B gặp Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988 ở tổ 3 phường T thành phố B. Qua câu chuyện Quyết nói với T muốn cầm chiếc xe đang đi. T đã dẫn Q về nhà mình và gọi điện cho Trần Nhật A, sinh 1988 ở số nhà 01 Ngõ 32 phường T, thành phố B là bạn học cùng và ở gần nhà T đến cầm xe cho Q. Khi Nhật A đến nhà T được T bảo cầm xe cho người bạn của T. Do tin tưởng T nên Nhật A đã cho Q vay số tiền 2.000.000 đồng và Q để lại chiếc xe trên cho Nhật A để làm tin. Khi giao dịch Nhật A và Q không viết giấy tờ gì.

Đến ngày 31/5/2017, sau khi được biết chiếc xe Nhật A cầm đồ của người mà T đã giới thiệu là do phạm tội mà có nên Nhật A đã tự giác giao nộp cho Công an Tân Yên chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh – Đen – Bạc không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu.

Ngày 01/6/2017 Nguyễn Văn Q đã đến công an huyện Tân Yên đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 33/KL - ĐGTS ngày 01/6/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Yên kết luận chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh- Đen – Bạc, biển kiểm soát 98H1-140.13 có giá trị là 14.092.000 đồng.

Về nguồn gốc chiếc xe mô tô trên quá trình điều tra vụ án theo quyết định khởi tố vụ án số 38 ngày 04/5/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên mở rộng điều tra và ngày 31/5/2017 quyết định bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Văn B về hành vi trộm cắp 03 chiếc xe mô tô, trong đó có chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh- Đen – Bạc, biển kiểm soát 98H1-140.13 do B đã trộm cắp được của chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1987 ở thôn N, xã A, huyện T khi chị V đang dự lễ bốc thăm trúng thưởng tại cửa hàng mỹ phẩm Tân Nguyệt ở thị trấn C, huyện T vào ngày 28/5/2017. Sau khi trộm cắp được chiếc xe của chị V, B đã sử dụng chiếc xe trên chở Q đi thành phố B sau đó bị Q chiếm đoạt mất chiếc xe trên không trả lại B.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh- Đen – Bạc, biển kiểm soát 98H1-140.13 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị V nên ngày 16/6/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Yên đã trả lại chiếc xe đạp trên cho chị V. Đến nay chị V không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại.

Đối với Trần Nhật A, sinh năm 1988 ở số nhà 01 Ngõ 32 phường T thành phố B là người cho Q vay tiền và Q gửi chiếc xe mô tô để làm tin nhưng khi thực hiện việc giao dịch chiếc xe trên, Q không nói cho Nhật A biết về nguồn gốc chiếc xe mô tô là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm

hành sự đối với Nhật A. Đồng thời, Trần Nhật A yêu cầu Nguyễn Văn Q phải trả lại cho Nhật A số tiền 2.000.000 đồng đã nhận ký gửi xe mô tô.

Đối với Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988 ở Tổ 3 phường T, thành phố B là người dẫn dắt Nguyễn Văn Q đến giao dịch xe mô tô cho Trần Nhật A, khi dẫn dắt Nguyễn Ngọc T cũng không biết chiếc xe của Nguyễn Văn Q là do phạm tội mà có nên không có căn cứ xem xét xử lý đối với Nguyễn Văn T.

Tại bản cáo trạng số 44/KSĐT ngày 17 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên đã truy tố bị cáo ra trước Toà án nhân dân huyện Tân Yên để xét xử về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự;

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù và đề nghị quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà;

Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

### **XÉT THẤY:**

Người bị hại là anh Nguyễn Văn B vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn M và anh Trần Nhật A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị V, anh M, anh A là phù hợp với quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng hình sự;

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ khẳng định:

\* Về tội danh:

Buổi sáng ngày 28/4/2017, tại khu vực thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang, bị cáo Nguyễn Văn Q đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh- Đen- Bạc, biển kiểm soát 98H1-140.13 có giá trị là 14.092.000 đồng là tài sản mà người bị hại là anh Nguyễn Văn B chiếm đoạt bất hợp pháp của vợ chồng chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn M. Sau khi chiếm đoạt được xe, bị cáo đã giao xe cho anh Trần Nhật A làm tin để vay tiền sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân.

Hành vi của bị cáo dùng thủ đoạn gian dối là hỏi mượn xe mô tô do anh B đang quản lý để mang điện thoại đi cầm lấy tiền cho B vay nhằm mục đích để B tin tưởng và giao xe mô tô cho bị cáo rồi chiếm đoạt luôn tài sản đã nhận là hành vi nguy hiểm cho xã hội do bị cáo cố ý thực hiện đã xâm phạm quyền sở hữu đối với tài sản của cá nhân. Tại thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Tuy giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của B là 14.092.000 đồng ( dưới 50.000.000 đồng) nhưng bị cáo là người đã bị kết tội bằng 03 bản án trong đó Bản án số 50/2015/HSST ngày 06/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp tái phạm. Tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội lần này, bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 Bộ luật hình sự nên có đủ căn cứ khẳng định bị cáo phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự;

\* Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy:

Trong quá trình điều tra truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Sau khi bị phát hiện, bị cáo đã ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

\* Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tuy bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị kết tội bằng nhiều bản án của Tòa án và bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nay lại tiếp tục phạm tội nên cần xử phạt thật nghiêm khắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại Điều 33 Bộ luật hình sự để cách ly bị cáo với xã hội trong một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa và giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm;

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có tài sản nên không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo đang bị tạm giam nên Hội đồng xét xử quyết định tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án theo Quyết định tạm giam số 31/2017/HSST - QĐTG ngày 25 tháng 9 năm 2017 để đảm bảo các hoạt động tố tụng tiếp theo theo quy định tại khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự.

\*Về trách nhiệm dân sự:

Do chị V, anh M đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Nhật A yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng và được bị cáo đồng ý nên cần buộc bị cáo phải trả cho anh A số tiền 2.000.000 đồng theo quy định tại Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự;

Về lãi suất chậm thi hành án: kể từ ngày có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo không trả được số tiền phải trả nêu trên thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

\* Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

\* Về quyền kháng cáo: bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 231, khoản 1 Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy bản cáo trạng số 44/ KSĐT ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tỉnh Bắc Giang truy tố Nguyễn Văn Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về hình phạt, về trách nhiệm dân sự và án phí đối với bị cáo là có căn cứ theo quy định;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”
  2. Áp dụng: Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự;
  3. Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 01/6/2017.
  4. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự;  
Khoản 2 Điều 468; Điều 589 Bộ luật dân sự;  
Buộc bị cáo phải trả cho anh Trần Nhật A 2.000.000 đồng.  
Bằng chữ: hai triệu đồng chẵn.
- Kể từ ngày có đơn đề nghị thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền phải trả nêu trên, nếu bị cáo không trả được thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất 10%/ năm tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả cho đến khi trả xong.
5. Về án phí: áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự;  
Điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;  
Buộc bị cáo phải chịu 200.000 ( hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 ( ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

6. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 231, khoản 1 Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Công an huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Bị cáo; nbh và ncqlnvq vắng mặt;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Ngọc Lý**